

HỘ KINH DOANH LÊ VĂN MÊN

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của cơ sở
CỬA HÀNG VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÊ MÊN**

Cao Lãnh, tháng 01 năm 2023

HỘ KINH DOANH LÊ VĂN MẾN

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của cơ sở
CỬA HÀNG VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÊ MẾN**

CHỦ CƠ SỞ



Lê Văn Mến

Cao Lãnh, tháng 01 năm 2023

MỤC LỤC

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT.....	3
DANH MỤC HÌNH	4
DANH MỤC BẢNG	4
CHƯƠNG I THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ	5
1. Tên chủ cơ sở:	5
2. Tên cơ sở:.....	5
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của cơ sở.....	6
3.1. Công suất của cơ sở:.....	6
3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở.....	7
3.3. Sản phẩm của cơ sở.....	9
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hoá chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở.....	10
4.1. Nhu cầu nguyên liệu, nhiên liệu:.....	10
4.2. Hóa chất sử dụng:.....	10
4.3. Nhu cầu sử dụng nước:.....	10
4.4. Nhu cầu cấp điện:.....	11
CHƯƠNG II SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG.....	12
1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.....	12
2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường.....	12
CHƯƠNG III KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	13
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải	13
1.1. Thu gom, thoát nước mưa	13
1.2. Thu gom, thoát nước thải	13
1.3. Xử lý nước thải.....	13
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải:	15
3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường.....	16

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của “Cửa hàng vật liệu xây dựng Lê Mền”

3.1. Chất thải rắn sinh hoạt.....	16
3.2. Chất thải rắn sản xuất.....	17
4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại.....	17
<i>5. Về công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung, bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật về môi trường.....</i>	<i>18</i>
6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi.....	19
6.1. Sự cố cháy.....	19
6.2. Sự cố tai nạn lao động.....	19
CHƯƠNG IV NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG.....	20
<i>1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải:.....</i>	<i>20</i>
<i>2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải:.....</i>	<i>21</i>
<i>3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn.....</i>	<i>21</i>
CHƯƠNG V CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	22
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm chất thải.....	22
2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật.....	22
2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ.....	22
2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải:.....	23
3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm:.....	23
CHƯƠNG VI KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ.....	24
CHƯƠNG VII CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ.....	25
PHỤ LỤC.....	26

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của “Cửa hàng vật liệu xây dựng Lê Mền”

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

TNHH:	Trách nhiệm hữu hạn
ND-CP:	Nghị định Chính phủ
QH:	Quốc hội
BNNPTNT:	Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn
BXD:	Bộ xây dựng
QCVN:	Quy chuẩn Việt Nam
BTNMT:	Bộ Tài nguyên môi trường
CTR:	Chất thải rắn
CTNH:	Chất thải nguy hại
VLXD:	Vật liệu xây dựng

DANH MỤC HÌNH

Hình 1. Quy trình kinh doanh tại cửa hàng.....	8
Hình 2. Quy trình hoạt động tại bãi tập kết VLXD	9
Hình 3. Sơ đồ cấu tạo hầm tự hoại 3 ngăn.....	14
Hình 4. Hướng dẫn phân loại rác sinh hoạt tại nguồn	17

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1. Hạng mục công trình của cơ sở.....	6
Bảng 2: Danh mục máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất của cơ sở	7
Bảng 3. Sản phẩm của cơ sở	9
Bảng 4. Nhu cầu nguyên, nhiên liệu, vật liệu trong quá trình sản xuất.....	10
Bảng 5. Hiệu suất xử lý chất ô nhiễm khi qua bể tự hoại	14
Bảng 6. Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh khi dự án hoạt động.....	18
Bảng 7. Các chất ô nhiễm trong nước thải sản xuất và giá trị giới hạn.....	20
Bảng 8. Giá trị giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn.....	21

CHƯƠNG I

THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1. Tên chủ cơ sở: Hộ kinh doanh Lê Văn Mến

- Địa chỉ cửa hàng (Điểm chính): Ấp 1, xã Mỹ Hiệp, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Địa chỉ bãi tập kết VLXD: ấp 2, xã Mỹ Long, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở: ông Lê Văn Mến.

- Điện thoại: 0939 246 623.

- Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh cá thể số: 200095/IKD do Ủy ban nhân dân huyện Cao Lãnh cấp ngày 05 tháng 09 năm 2000.

- Cơ sở được cấp giấy phép hoạt động bên thủy nội địa số 110/GPBTBD do Sở Giao thông vận tải tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 07/8/2019.

2. Tên cơ sở:

- Tên cơ sở: Cửa hàng vật liệu xây dựng Lê Mến

- Địa điểm cơ sở: Ấp 1, xã Mỹ Hiệp, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Vốn kinh doanh: 35.000.000 đồng.

Cơ sở có các vị trí tiếp giáp như sau:

- Cửa hàng vật liệu xây dựng Lê Mến có địa chỉ tại ấp 1, xã Mỹ Hiệp, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp có tứ cận tiếp giáp như sau:

+ Hướng đông: giáp nhà dân.

+ Hướng tây: giáp nhà dân.

+ Hướng nam: giáp Quốc lộ 30.

+ Hướng bắc: giáp nhà dân.

- Bãi tập kết VLXD Lê Mến tọa lạc tại ấp 2, xã Mỹ Long, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, khu đất cơ sở có tứ cận tiếp giáp như sau:

+ Hướng đông: giáp vườn cây.

+ Hướng tây: giáp đất trống.

+ Hướng nam: giáp Sông Cái Nhỏ.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của “Cửa hàng vật liệu xây dựng Lê Mên”

+ Hướng bắc: giáp lộ đá.

- Quy mô của cơ sở (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): Nhóm C - Dự án công nghiệp với tổng vốn đầu tư dưới 60 tỷ đồng. Cơ sở có phát sinh nước thải, bụi, khí thải phải được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi xả thải ra môi trường, thuộc mục 2, Phụ lục V, Nghị định 08/2022/ND-CP. Do đó Cơ sở phải thực hiện giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền cấp phép môi trường của Ủy Ban nhân dân huyện Cao Lãnh.

Cơ sở có tổng diện tích sử dụng đất là 470 m². Trong đó:

Cửa hàng VLXD được tọa lạc tại ấp 1, xã Mỹ Hiệp, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp với diện tích 150 m². Khu vực tập kết cát, đá được bố trí tại ấp 2, xã Mỹ Long, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp có diện tích 320 m² đều là đất của chủ cơ sở.

Chủ cơ sở đã thực hiện xin phép bên thủy nội địa theo quy định tại khu vực tập kết cát, đá ở địa chỉ ấp 2, xã Mỹ Long, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp vị trí tiếp giáp với bờ trái của tuyến sông Cái Nhỏ.

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của cơ sở

3.1. Công suất của cơ sở:

Bảng 1. Hạng mục công trình của cơ sở

STT	Hạng mục công trình	Diện tích m ²
1	Cửa hàng	150
2	Bãi tập kết có đăng ký bên thủy nội địa	320
	Tổng cộng	470

Tổng diện tích sử dụng đất của cơ sở là 470 m². Trong đó:

- Cửa hàng được xây dựng kiên cố nền gạch men, vách tường, mái tole có lợp la phòng nhựa chống nóng, được bố trí các kệ để trưng bày sản phẩm. Phía trong được bố trí 01 phòng nghỉ trưa, bếp ăn và 01 nhà vệ sinh có hầm tự hoại 03 ngăn. Cửa hàng tọa lạc tại ấp 1, xã Mỹ Hiệp, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Bãi tập kết cát đá là khu vực đất trống có xây tường gạch lên cao khoảng 2m so với mặt đất, xung quanh có cây xanh bao phủ, có bố trí 01 nhà nghỉ cho công nhân và 01 nhà vệ sinh có hầm tự hoại 03 ngăn. Bãi tập kết đã xin phép bên thủy nội địa và được cấp phép hoạt động từ năm 2019 với bến thủy dài dọc sông là 29m, chiều rộng là 10m kể từ mép bờ kè trở ra sông.

Khu vực nhà nghỉ cho công nhân tại bãi tập kết được xây kiên cố nền gạch men, vách tường, mái lợp tole. Bên trong có bố trí 01 phòng nghỉ trưa. Có bố trí 01 khu vực riêng để chứa chất thải (chất thải sinh hoạt và chất thải nguy hại) có dán bảng cảnh báo, khu vực này có nền cao ráo bằng xi măng, xung quanh được che chắn kín đáo đảm bảo không bị mưa tạt, gió lùa, nước ngập.

Bảng 2: Danh mục máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất của cơ sở

STT	Tên máy móc, thiết bị	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Xe tải 1,25 tấn	chiếc	01	
2	Xe tải 600 kg	chiếc	02	
3	Kobe loại 0,6 m ³	chiếc	01	
4	Máy bơm nước 1 Hp	cái	01	

(Nguồn: Cửa hàng VLXD Lê Mến, năm 2023)

* Hoạt động của cơ sở:

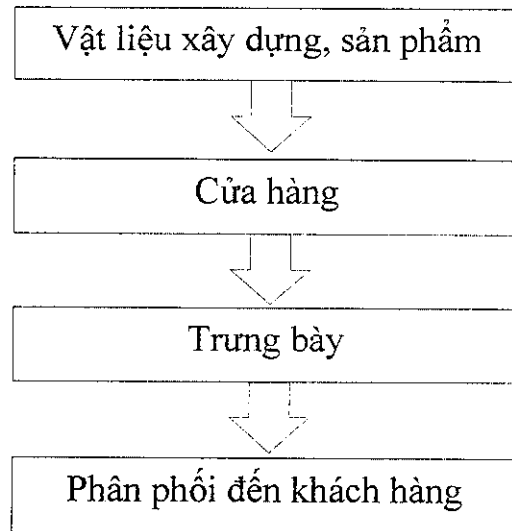
- Thời gian làm việc: 08 giờ/ngày, làm việc tất cả các ngày trong tuần trừ ngày lễ, tết.

- Số lượng nhân viên của cơ sở : 05 lao động, trong đó có 03 lao động địa phương và 02 người nhà chủ cơ sở.

3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở

Quy trình hoạt động của cơ sở chủ yếu là hoạt động kinh doanh các sản phẩm phục vụ xây dựng cơ bản (cát, đá, xi măng...), gạch men, sơn tường,... và hoạt động tập kết VLXD tại bãi tập kết giáp sông Cái Nhỏ sau đó theo đơn đặt hàng của khách hàng thì hàng hoá là VLXD được bóc dỡ và vận chuyển đi đến địa điểm khách hàng yêu cầu.

3.2.1. Quy trình kinh doanh tại cửa hàng



Hình 1. Quy trình kinh doanh tại cửa hàng

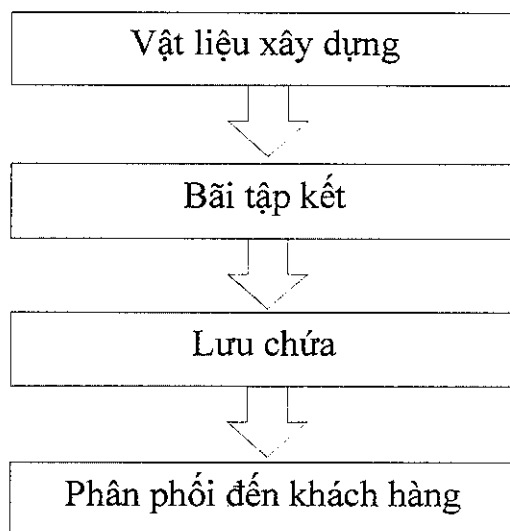
** Thuyết minh quy trình:*

VLXD và các sản phẩm khác được cung cấp từ nhà phân phối đến cửa hàng bằng phương tiện của nhà phân phối (xe tải).

Các sản phẩm được trưng bày theo khu vực trong cửa hàng, khi người dân hoặc cơ sở có nhu cầu đến cửa hàng mua hoặc cửa hàng giao đối với những đơn hàng có yêu cầu. Cửa hàng có bố trí xe tải nhỏ loại 1,25 tấn và 0,6 tấn để phục vụ cho quá trình vận chuyển hàng hoá.

Quá trình vận chuyển hàng hoá và mua bán tại cửa hàng có phát sinh bụi, khí thải từ xe vận chuyển (bụi, khí SO_2 , NO_x , CO). Cửa hàng có 02 nhân viên kinh doanh là người trong gia đình và không lưu trú tại cửa hàng (về nhà sau 17h hàng ngày). Hoạt động sinh hoạt tại cửa hàng làm phát sinh nước thải sinh hoạt, rác sinh hoạt (hộp thực phẩm, túi nilong, rau quả,...).

3.2.2. Quy trình hoạt động tại bãi tập kết VLXD



Hình 2. Quy trình hoạt động tại bãi tập kết VLXD

* *Thuyết minh quy trình:*

VLXD và các sản phẩm trong danh mục kinh doanh của cơ sở (chủ yếu là cát, đá các loại) được nhà phân phối vận chuyển đến bến thủy của cơ sở bằng đường sông, sau đó được chuyển lên bãi tập kết nằm cặp theo sông theo từng loại riêng biệt.

Bãi tập kết VLXD có bố trí 01 chiếc kobe có dung tích gàu là $0,6\text{m}^3$ để phục vụ công tác xúc bốc VLXD từ phương tiện thủy lên bãi tập kết và từ bãi tập kết lên xe tải để vận chuyển VLXD đến khách hàng.

Quá trình tập kết chủ yếu phát sinh bụi và tiếng ồn từ quá trình xúc bốc VLXD từ phương tiện vận chuyển đường thủy (sà lan, tàu thuyền) đến bãi tập kết, hoạt động của máy xúc bốc, vận chuyển (kobe, xe tải) từ bãi tập kết đến phân phối cho khách hàng có nhu cầu theo đơn đặt hàng. Ngoài ra, quá trình tập kết cát cũng phát sinh bụi từ mặt đất bị gió cuốn bốc lên và phát tán ra môi trường xung quanh.

3.3. Sản phẩm của cơ sở

Thông kê sản phẩm của cơ sở tại thời điểm đạt doanh số cao nhất như sau:

Bảng 3. Sản phẩm của cơ sở

STT	Sản phẩm	ĐVT	Khối lượng
1	Cát xây dựng	$\text{m}^3/\text{tháng}$	100
2	Đá 1 x 2	$\text{m}^3/\text{tháng}$	60
3	Đá 4 x 6	$\text{m}^3/\text{tháng}$	30
4	Gạch tráng men	$\text{m}^2/\text{tháng}$	100

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của “Cửa hàng vật liệu xây dựng Lê Mến”

5	Sơn nước các loại	kg	1.000
6	Sắt thép các loại	tấn	02
7	Gạch ống	viên	6.000
8	Xi măng	bao	200

(Nguồn: Cửa hàng VLXD Lê Mến, năm 2023)

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hoá chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở

Cơ sở không sử dụng phế liệu nhập khẩu. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước với chủng loại và số lượng như sau:

4.1. Nhu cầu nguyên liệu, nhiên liệu:

Bảng 4. Nhu cầu nguyên, nhiên liệu, vật liệu trong quá trình sản xuất

Stt	Nguyên, nhiên liệu	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Dầu DO	lít/tháng	900	- 03 xe tải sử dụng 20 lít/ngày - 01 kobe sử dụng 10lít/ngày
2	Nhớt bảo dưỡng (03 tháng/lần)	lít/tháng	06	- Xe tải T: 4 lít/lần - Xe tải 1T: 4 lít/lần - Kobe: 10 lít/lần
	Tổng cộng	lít/tháng	906	

(Nguồn: Cửa hàng VLXD Lê Mến, năm 2023)

4.2. Hóa chất sử dụng:

Cơ sở không sử dụng hoá chất gì trong quy trình sản xuất, kinh doanh.

4.3. Nhu cầu sử dụng nước:

Nước sử dụng phục vụ cho hoạt động của cơ sở bao gồm:

- Nước sinh hoạt: Nguồn nước sử dụng từ mạng lưới cấp nước của khu vực. Nhu cầu cấp nước chủ yếu cho sinh hoạt. Cụ thể như sau:

Ước tính nhu cầu cấp nước theo định mức quy định tại QCVN 01:2021/BXD là 100 lít/người/ngày, nếu không lưu trú thì ước tính bằng 50% định mức. Cơ sở có tổng cộng 05 nhân viên và không lưu trú tại cơ sở. Nhu cầu cấp nước sinh hoạt tại cơ sở như sau: $05 \text{ người} \times 100 \text{ lít/người/ngày} \times 50\% = 250 \text{ lít/người/ngày} = 0,25 \text{ m}^3/\text{ngày}$. Vậy tổng lượng nước cấp dùng cho sinh hoạt tại cơ sở là $0,25 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

- Nước dập bụi: để đảm bảo môi trường vi khí hậu tại bãi tập kết VLXD, cơ sở phân công công nhân thường xuyên bơm nước tưới dập bụi tại khu vực tập kết cát đá và đường nội bộ. Định kỳ 02 lần/ngày (đối với ngày nắng), công nhân sử dụng máy bơm gắn ống nhựa bơm nước từ sông Tiền để tưới ẩm khu vực tập kết. Lượng nước tưới khoảng $5 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

4.4. Nhu cầu cấp điện:

Sử dụng nguồn điện từ mạng lưới điện quốc gia để phục vụ chiếu sáng, sinh hoạt công nhân. Ước tính lượng điện tiêu thụ cho hoạt động của cơ sở hàng tháng khoảng 300 kw/tháng.

CHƯƠNG II

SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

Cơ sở phù hợp với các văn bản sau về quy hoạch bảo vệ môi trường:

Phù hợp với Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH 14 ngày 17/11/2020, có hiệu lực từ ngày 01/01/2022;

Phù hợp với quy định về Phân vùng môi trường được quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Cụ thể: Tuân theo Điều 22, Điều 23, Điều 25, Mục 1, Chương III của Nghị định;

Phù hợp với Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/1/2017, có hiệu lực từ ngày 01/01/2019;

Phù hợp với Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/1/2017.

Mối quan hệ của cơ sở với các dự án khác: Quanh khu vực cơ sở không có đền chùa, khu di tích lịch sử, khu du lịch và diện tích dành riêng cho an ninh quốc phòng.

2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường

Hiện trạng khu vực cơ sở chưa có dấu hiệu ô nhiễm môi trường. Bên cạnh đó, cơ sở không thuộc cơ sở có nguy cơ ô nhiễm môi trường cao, chất thải phát sinh với khối lượng không lớn nên môi trường xung quanh vẫn đảm bảo khả năng tiếp nhận.

CHƯƠNG III

KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

1.1. Thu gom, thoát nước mưa

Tại cửa hàng, toàn bộ nước mưa trên mái nhà (mái tole) sẽ thoát ra hệ thống thoát nước chung của khu vực, không gây ngập úng cục bộ.

Tại bãi tập kết, nước mưa chủ yếu thoát theo hướng chảy của địa hình chung, khu vực bãi tập kết cát, đá, mưa chủ yếu thấm qua cá lớp cát (đổ thành đồng), không chảy tràn ra bên ngoài.

1.2. Thu gom, thoát nước thải

Quy mô, công suất: Nước thải sinh hoạt phát sinh chủ yếu từ quá trình rửa tay, vệ sinh của công nhân làm việc tại cơ sở. Nhu cầu cấp nước sinh hoạt phục vụ cho 05 người (không lưu trú tại cơ sở). Theo QCVN 01:2021/BXD, định mức cấp nước là 100 lít/người/ngày, ước tính cho công nhân không lưu trú bằng 50% định mức.

Nhu cầu cấp nước sinh hoạt tại cơ sở như sau: 05 người x 100 lít/người/ngày x 50% = 250 lít/người/ngày = 0,25 m³/ngày. Vậy tổng lượng nước cấp dùng cho sinh hoạt tại cơ sở là 0,25 m³/ngày.

Căn cứ Nghị định 80:2014/NĐ-CP, nước thải sinh hoạt ước tính bằng 100% nước cấp, theo đó lượng nước thải sinh hoạt phát sinh tại cơ sở là 0,25 m³/ngày.

Hiện trạng tại cơ sở đã xây dựng nhà vệ sinh có bể tự hoại 03 ngăn để thu gom và xử lý nước thải phát sinh đạt cột B, QCVN 14:2008/BTNMT.

1.3. Xử lý nước thải

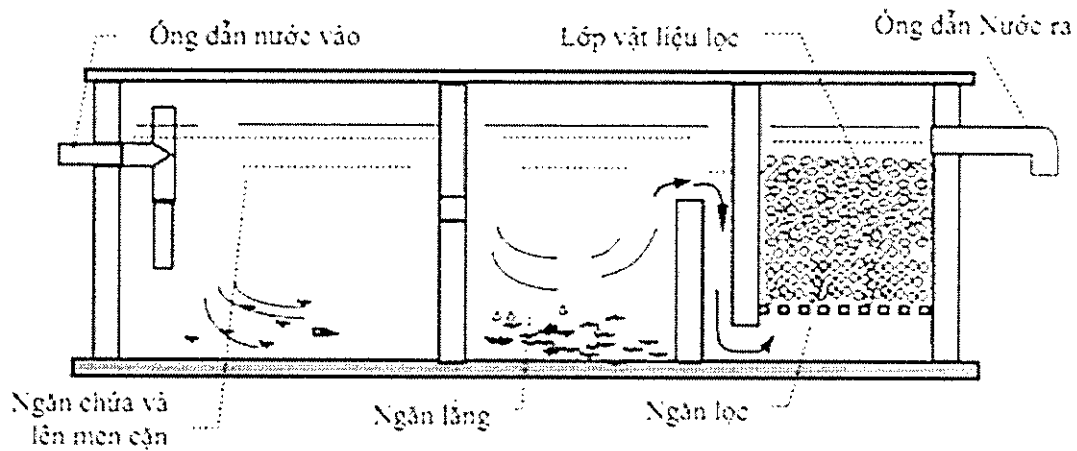
- Quy trình xử lý:

+ Lưu lượng nước thải sinh hoạt phát sinh: 0,25 m³/ngày.

+ Công nghệ xử lý: xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn.

Yêu cầu xử lý: QCVN 14:2008/BTNMT (cột B).

Quy trình vận hành: Nước thải thô → Bể tự hoại 3 ngăn → Nguồn tiếp nhận (tự thấm).



Hình 2. Sơ đồ cấu tạo hầm tự hoại 3 ngăn

- Kết cấu của hầm tự hoại 3 ngăn:

+ Ngăn chứa phân: có kích thước lớn nhất, chiếm 2/3 thể tích hầm, đây là nơi tích trữ phân. Phần bùn và váng nổi bọt bị giữ lại bên ngăn chứa phân.

+ Ngăn lọc: chiếm ¼ thể tích còn lại, nơi này chỉ nhận nước từ ngăn chứa phân đi qua bằng các lỗ thông trên vách.

+ Ngăn khử mùi: chứa than, nước từ ngăn lọc đi ngược lên trên qua than sẽ bị hấp thu mùi hôi trước khi xả ra bên ngoài.

- Thông số thiết kế cơ bản của bể tự hoại hiện hữu như sau:

+ Chiều dài: 2,5 m;

+ Chiều rộng: 2 m;

+ Chiều cao: 2 m;

+ Tổng thể tích của bể tự hoại là: 10 m³.

*** Đánh giá hiệu quả:**

Bảng 5. Hiệu suất xử lý chất ô nhiễm khi qua bể tự hoại

Stt	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Nồng độ (mg/l)		QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B)	Hiệu suất xử lý (%)
			Chưa xử lý	Đã xử lý		
1	pH	-	7,5	7,4	5-9	-
2	SS	mg/L	200	46	100	63-77 ^(*)
3	BOD5	mg/L	200	24	50	87-88 ^(*)

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của “Cửa hàng vật liệu xây dựng Lê Mến”

4	Nitrat (tính theo N)	mg/L	0,5	0,12	50	76
5	Tổng phospho	mg/L	15	-	10	-
6	Tổng Coliforms	MPN/100 mL	3×10^7	-	5.000	-

(Nguồn: Giáo trình kỹ thuật xử lý nước thải, NXB Đại học Cần Thơ, 2014)

Ghi chú: (*) Tham khảo từ PGS.TS. Hoàng Văn Huệ, Thoát nước tập 2 Kỹ thuật xử lý nước thải.

Nhận xét: Nước thải sinh hoạt sau khi qua bể tự hoại 3 ngăn có các thông số ô nhiễm đặc trưng nằm trong giới hạn cho phép theo cột B, QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt. Nước thải sau xử lý được thoát ra môi trường ở dạng tự thấm.

Lưu lượng nước thải phát sinh cao nhất là $0,25 \text{ m}^3/\text{ngày}$. Với thể tích của bể tự hoại như trên thì khả năng lưu chứa tối thiểu là 40 ngày. Theo đó, công trình bể tự hoại hiện hữu đảm bảo khả năng lưu chứa và xử lý đạt yêu cầu kỹ thuật. Để đảm bảo hiệu quả xử lý định kỳ dự án thuê đơn vị có chức năng đến hút bùn (tần suất 1 lần/năm).

Đánh giá tính khả thi: Giải pháp thực hiện là phù hợp với tính chất của loại chất thải. Bể tự hoại được sử dụng phổ biến ở nhiều nơi bởi có nhiều ưu điểm như hiệu suất xử lý ổn định, kể cả khi dòng nước thải đầu vào có dao động lớn, chiếm ít diện tích, quản lý đơn giản, dễ áp dụng.

2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải:

- Quy mô, công suất: Bụi và khí thải chủ yếu phát sinh tại bãi tập kết VLXD nằm cặp lộ nhựa bờ trái sông Cái Nhỏ. Các nguồn phát sinh bụi, khí thải tại bãi tập kết bao gồm:

- + Bụi, khí thải từ phương tiện xúc bốc (máy kobe), xe tải vận chuyển VLXD.
- + Bụi bị gió cuốn lên tại bãi tập kết cát, đá.

Nồng độ bụi, khí thải của phương tiện xúc bốc và vận chuyển phát sinh không thường xuyên, chỉ phát sinh vào thời điểm cần xúc bốc VLXD lên bãi tập kết hoặc xe tải vận chuyển đến nơi tiêu thụ; nồng độ bụi tại bãi tập kết cát, đá chủ yếu vào những ngày nắng (cát giảm độ ẩm) và gió to nên bụi cát, đá bị bốc lên khỏi mặt đất. Tuy nhiên, kích thước bụi đá dao động từ $0,01 - 0,25 \text{ mm}$ nên rất dễ sa lắng, không làm phát tán đi xa.

Ngoài ra, hoạt động giao thông trên lộ nhựa cấp bãi tập kết VLXD cũng góp phần làm gia tăng nồng độ bụi, khí thải phát sinh tại khu vực bãi tập kết. Lượng thải này rất khó ước tính do phụ thuộc vào thời điểm, lưu lượng phương tiện, yếu tố vi khí hậu (tốc độ gió, hướng gió, độ ẩm không khí,...).

Để đảm bảo môi trường vi khí hậu tại bãi tập kết VLXD, cơ sở phân công công nhân thường xuyên bơm nước tưới đập bụi tại khu vực tập kết cát đá và đường nội bộ. Định kỳ 02 lần/ngày (đối với ngày nắng), công nhân sử dụng máy bơm gắn ống nhựa bơm nước từ sông Tiên để tưới ẩm khu vực tập kết. Lượng nước tưới khoảng 5 m³/ngày. Bên cạnh đó, cơ sở còn thực hiện các biện pháp sau:

- Thường xuyên quét dọn khu vực xung quanh cơ sở, cạnh đường giao thông nhằm hạn chế cát, đá rơi vãi trên đường giao thông.

- Tập kết cát, đá đảm bảo khoảng cách hành lang lộ giới, không sát đường đảm bảo an toàn về môi trường và giao thông.

- Xe tải chở VLXD phải được phủ bạt kín đáo trước khi ra khỏi bãi tập kết.

3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

3.1. Chất thải rắn sinh hoạt

Khối lượng: Ước tính khối lượng rác phát sinh theo QCVN 01:2021/BXD trung bình phát sinh 0,8 kg/người.ngày. Đồng thời, ước tính khối lượng rác phát sinh cho nhân viên không lưu trú bằng 50% khối lượng định mức. Khối lượng rác sinh hoạt phát sinh tối đa tại cơ sở như sau: 05 người x 0,4 kg/người. ngày = 02 kg/ngày.

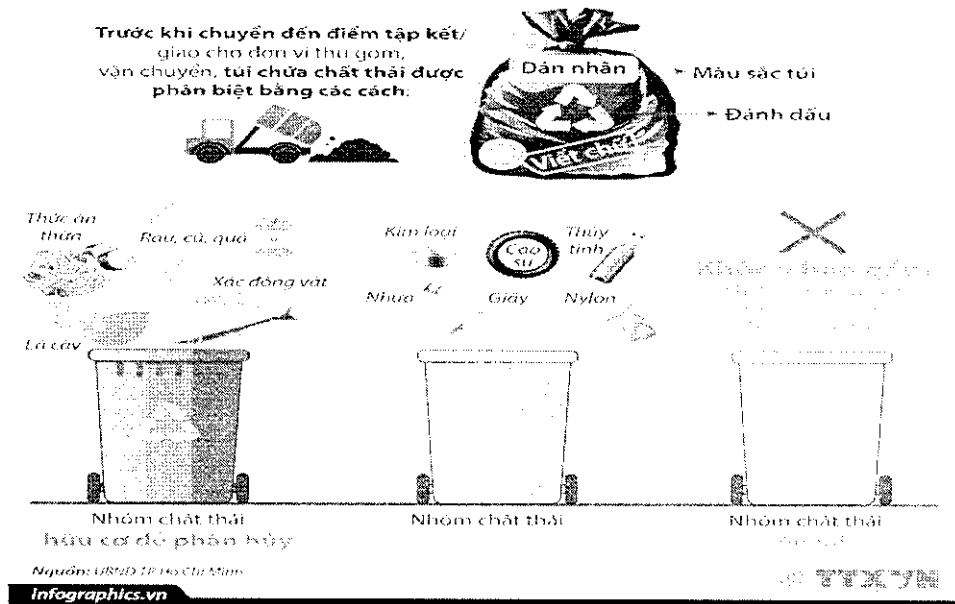
- Quy mô, công suất, quy trình xử lý: Lượng rác sinh hoạt phát sinh chủ yếu là bao bì nilông, vỏ chai nước, hộp đựng thực phẩm, vỏ trái cây, thức ăn thừa... do công nhân sử dụng trong giờ nghỉ ngơi. Khối lượng phát sinh tối đa là 02 kg/ngày.

Cơ sở yêu cầu công nhân làm việc phân loại rác tại nguồn theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020. Cụ thể: Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh được phân thành 03 nhóm sau:

- Nhóm 1: Chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế;

- Nhóm 2: Chất thải thực phẩm;

- Nhóm 3: Chất thải rắn sinh hoạt khác.



Hình 3. Hướng dẫn phân loại rác sinh hoạt tại nguồn

Chủ cơ sở bố trí 03 thùng chứa rác sinh hoạt, dung tích 10 lít, có nắp đậy và có ghi rõ loại rác thu gom được bố trí tại dự án và thuê đơn vị thu gom rác địa phương đến thu gom và xử lý.

3.2. Chất thải rắn sản xuất

Khối lượng: Chủ yếu là các loại bao bì (hộp giấy, túi nilong,...) thải bỏ: 0,5kg/ngày.

- Quy mô, công suất, quy trình xử lý: Các loại chất thải phát sinh đều là rác thải thông thường không nguy hại nên cơ sở phân loại đối với loại có khả năng tái chế, tái sử dụng thì thu gom và định kỳ bán phế liệu. Phần còn lại là các chất thải thông thường cùng với chất thải rắn sinh hoạt để chuyển giao cho đơn vị thu gom rác địa phương đến thu gom, vận chuyển và xử lý đúng quy định hiện hành.

4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

- Khối lượng: Cơ sở thuộc loại hình kinh doanh nên quá trình hoạt động không phát sinh chất thải nguy hại từ quá trình sản xuất, chủ yếu là chất thải nguy hại như quy mô hộ gia đình, bao gồm: pin, ắc quy đã qua sử dụng, bóng đèn hư cũ, vỏ chai lọ đựng hóa chất nguy hại (chai xịt côn trùng, nước tẩy rửa...), chất thải điện tử, mực in văn phòng. Khối lượng ước khoảng 08 kg/năm.

- Quy mô, công suất, quy trình xử lý:

Thành phần chất thải nguy hại và khối lượng ước tính phát sinh trong quá trình

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của “Cửa hàng vật liệu xây dựng Lê Mẫn”

hoạt động của dự án như sau:

Bảng 6. Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh khi dự án hoạt động

Stt	Tên chất thải	Mã chất thải	Trạng thái tồn tại	Ký hiệu chất thải	Tính chất nguy hại chính	Khối lượng (Kg/năm)
1	Mực in văn phòng thải	08 02 06	Rắn	TT	-	0,5
2	Hộp chứa mực in văn phòng thải	08 02 08	Rắn	TT	-	1,0
3	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	Rắn	NH	Đ, ĐS	0,5
4	Pin, ắc quy thải	16 01 12	Rắn	NH	Đ, S, AM	0,5
5	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện có các linh kiện điện tử	16 01 13	Rắn	NH	D, DS	4,0
6	Bao bì cứng thải bằng kim loại bao gồm cả bình chứa áp suất bảo đảm rộng hoàn toàn	18 01 02	Rắn	KS	Đ, ĐS	1,5
Tổng cộng (kg/năm)						8

Chất thải này được cơ sở thu gom vào thùng chứa chất thải nguy hại có thể tích 40 lít, có nắp đậy, dán nhãn “Chất thải nguy hại” được bố trí ở khu vực chung với thùng rác thải rắn sản xuất thông thường. Khu vực này đảm bảo không bị mưa tạt, gió lùa, nền chống thấm. Cơ sở hợp đồng với đơn vị đủ chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý đúng quy định theo Thông tư 02/2022/TT-BTNMT và Nghị định 08/2022/NĐ-CP.

5. Về công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung, bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật về môi trường

Tiếng ồn: chủ yếu từ quá trình trao đổi giữa người lao động với nhau, tiếng ồn còn phát sinh do các phương tiện vận chuyển.

- Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:

+ Các phương tiện vận chuyển phải được bảo dưỡng định kỳ. Hạn chế sử dụng phương tiện vận chuyển vào giờ cao điểm;

+ Nhắc nhở, phổ biến nội quy lao động như không nói chuyện lớn tiếng, hoạt động nhẹ nhàng, không đùa giỡn trong khi làm việc.

Độ rung: Các máy móc, thiết bị sử dụng không gây rung chấn mạnh ảnh hưởng đến xung quanh.

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi

Cơ sở khi đi vào vận hành thử nghiệm và hoạt động ổn định có khả năng gặp sự cố cháy và tai nạn lao động. Chủ cơ sở đề xuất phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố như sau:

6.1. Sự cố cháy

Hoạt động của cơ sở có khả năng gây cháy do chập điện, bắt lửa ra xung quanh. Do đó, cơ sở áp dụng biện pháp phòng ngừa sau:

- Thường xuyên kiểm tra hệ thống điện tại cơ sở.

- Nhắc nhở công nhân tắt điện khi không sử dụng.

- Phối hợp với cơ quan quản lý PCCC chuyên môn tổ chức tập huấn cho công nhân theo quy định.

6.2. Sự cố tai nạn lao động

- Vệ sinh (quét dọn) nền sàn tránh trơn trượt, đổ ngã.

- Yêu cầu công nhân làm việc nghiêm túc, tập trung và cẩn thận trong quá trình làm việc. Tuân thủ an toàn giao thông khi vận chuyển VLXD.

CHƯƠNG IV

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải:

- Nguồn phát sinh nước thải:

+ Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh.

Lưu lượng xả nước thải tối đa:

+ Nước thải sinh hoạt: 0,25 m³/ngày.

Số lượng dòng nước thải đề nghị cấp phép: 01 dòng nước thải sau bể tự hoại 03 ngăn hiện hữu.

Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải:

+ Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải đạt cột B, QCVN 40:2011/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (Kq=1,0; Kf=1,0). Cụ thể các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn như bảng dưới đây:

Bảng 7. Các chất ô nhiễm trong nước thải sản xuất và giá trị giới hạn

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị
1	pH	-	5,5 – 9
2	Chất rắn lơ lửng	mg/l	150
3	BOD5	mg/l	50
4	COD	mg/l	150
5	Amoni (tính theo N)	mg/l	10
6	Tổng Nitơ	mg/l	40
7	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/l	6,0
8	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	10
9	Sunfua	mg/l	0,5
10	Coliform	MPN/ 100ml	5.000

- Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải: tự chảy sau xử lý và thoát ra môi trường ở dạng tự thấm.

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải:

- Nguồn phát sinh khí thải:

+ Nguồn số 01: Bụi, khí thải (SO₂, NO₂, CO) tại bãi tập kết VLXD.

- Lưu lượng xả khí thải tối đa: Nguồn phân tán, không xác định được lưu lượng thải.

- Dòng khí thải: Không xác định được dòng khí thải do bị tác động bởi giao thông khu vực, yếu tố vi khí hậu tại khu vực.

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn

- Nguồn phát sinh:

+ Nguồn số 01: Tiếng ồn từ phương tiện bốc xếp VLXD tại bãi tập kết.

+ Nguồn số 02: Tiếng ồn từ phương tiện bốc xếp VLXD tại cửa hàng.

- Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn: Tiếng ồn phát sinh phải nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 26:2010/BTNMT (đối với khu vực thông thường). Cụ thể giá trị giới hạn như bảng dưới đây:

Bảng 8. Giá trị giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn

STT	Thời gian	Đơn vị	Giá trị
1	Từ 6 giờ đến 21 giờ	dBA	70
2	Từ 21 giờ đến 6 giờ	dBA	55

CHƯƠNG V

CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm chất thải

Do đặc trưng các nguồn thải ở dạng phân tán (bụi, khí thải từ bãi tập kết, phương tiện xúc bốc, vận chuyên), không có hệ thống thoát nước hiện hữu (bể tự hoại hiện hữu tự thấm). Do đó, chủ cơ sở đề xuất không vận hành thử nghiệm mà chỉ giám sát môi trường xung quanh đảm bảo đạt quy chuẩn, không làm ảnh hưởng đến môi trường tiếp nhận cũng như các đối tượng xung quanh.

2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật

2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

- Quan trắc nước thải sinh hoạt: do công trình nhà vệ sinh có hầm tự hoại 3 ngăn dạng tự thấm không có cống thoát ra môi trường tiếp nhận nên không thể quan trắc định kỳ. Tuy nhiên, do khối lượng nước thải phát sinh ít, đảm bảo khả năng lưu chứa, xử lý đạt cột B, QCVN 14;2008/BTNMT. Định kỳ chủ cơ sở thuê đơn vị có chức năng hút bùn thải hầm lắng để duy trì hiệu quả xử lý và cam kết bồi thường, khắc phục nếu công trình không đảm bảo gây ô nhiễm môi trường tiếp nhận theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

- Quan trắc bụi, khí thải: đặc trưng hoạt động kinh doanh của cơ sở không phát sinh bụi, khí thải từ ống khói, chủ yếu phát sinh bụi từ bãi tập kết cát, đá tại ấp 2, xã Mỹ Long, huyện Cao Lãnh. Do đó, để chủ động phòng ngừa bụi phát tán ra môi trường xung quanh làm ảnh hưởng đến môi trường tiếp nhận và sinh hoạt của người dân sống lân cận, chủ cơ sở thực hiện giám sát bụi tại nhà dân gần nhất để có biện pháp giảm thiểu tác động tương ứng. Cụ thể chương trình giám sát như sau:

+ Vị trí: 01 vị trí tại khu vực nhà dân gần bãi tập kết VLXD nhất theo hướng Đông và 01 vị trí tại khu vực nhà dân đối diện bãi tập kết VLXD theo hướng Bắc.

+ Thời điểm quan trắc: Bãi tập kết VLXD đang hoạt động, ngày nắng.

+ Tần suất: 1 lần/năm.

+ Thông số giám sát: Bụi, tiếng ồn.

+ Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: QCVN 05:2013/BTNMT, QCVN 26:2009/BTNMT.

2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải:

Cơ sở không thuộc đối tượng thực hiện quan trắc tự động, liên tục chất thải.

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm: Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm trung bình khoảng 2.000.000 đồng.

CHƯƠNG VI
KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
ĐỐI VỚI CƠ SỞ

Trong 02 năm gần nhất trước thời điểm lập báo cáo, không có các đợt kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường của cơ quan có thẩm quyền đối với Cửa hàng vật liệu xây dựng Lê Mến.

CHƯƠNG VII

CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

Hộ kinh doanh Lê Văn Mên (chủ cơ sở) xin cam kết thực hiện các nội dung sau:

1. Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường: Chủ cơ sở cam kết tất cả số liệu và nội dung được trình bày trong quá trình thực hiện báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở là hoàn toàn chính xác, trung thực theo đúng thực tế và hiện trạng hoạt động của cơ sở.

2. Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường

Trong quá trình hoạt động, Chủ cơ sở cam kết thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường nhằm đảm bảo xử lý các nguồn gây ô nhiễm đạt các quy chuẩn bảo vệ môi trường tương ứng trong suốt quá trình hoạt động:

- QCVN 05:2013/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh;

- QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;

- Thực hiện nghiêm túc, chặt chẽ công tác quản lý CTR-CTNH.

- Cam kết thu gom, phân loại và hợp đồng với đơn vị đủ chức năng xử lý các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp và chất thải nguy hại, đảm bảo tuân thủ các quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

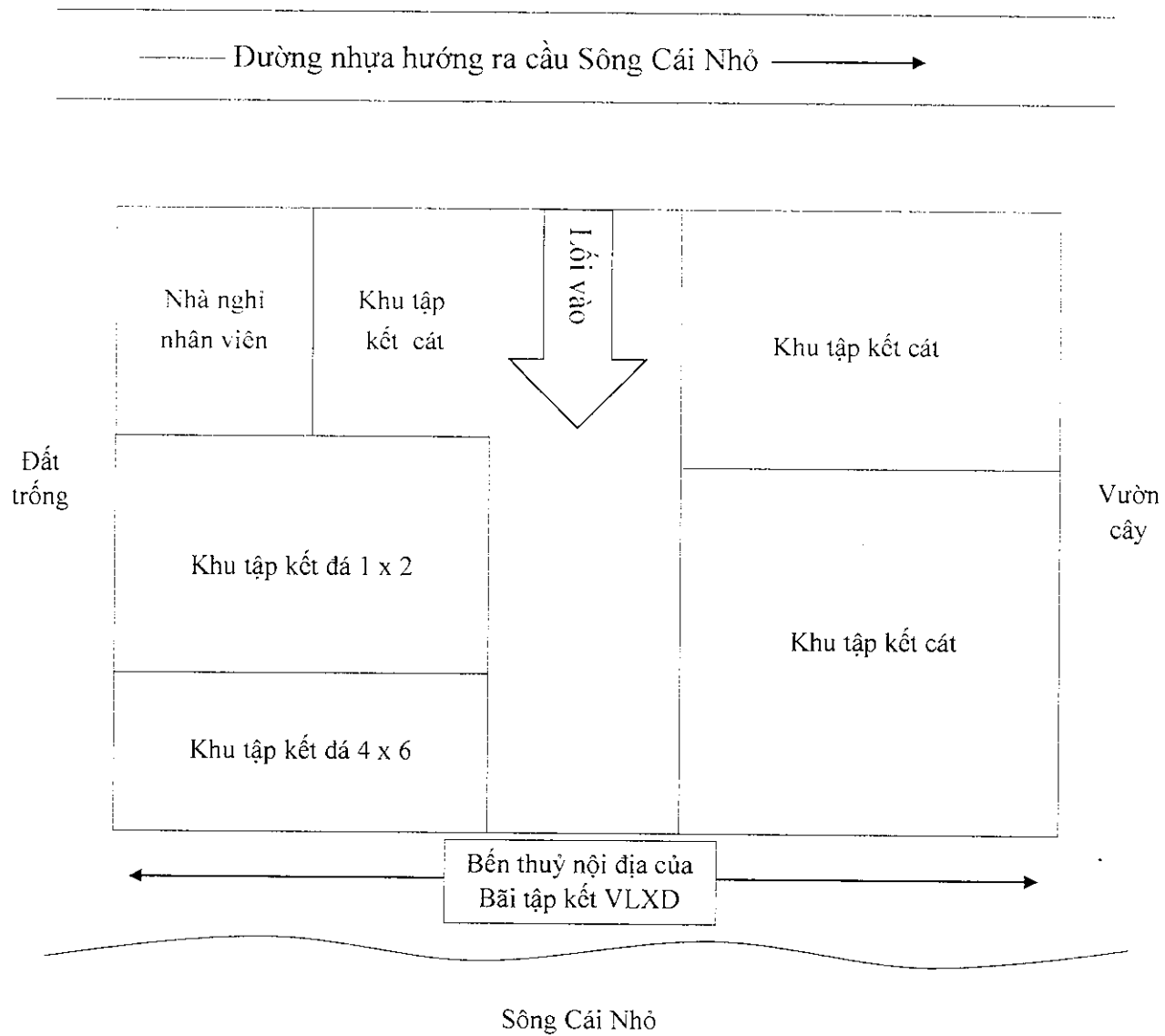
- Cam kết thực hiện chương trình quản lý và giám sát môi trường định kỳ như đã nêu trong báo cáo đề xuất giấy phép môi trường, lưu giữ số liệu để phục vụ công tác kiểm tra của cơ quan chức năng.

Thực hiện các yêu cầu của báo cáo và Giấy phép Môi trường của Cơ Sở trong quá trình hoạt động.

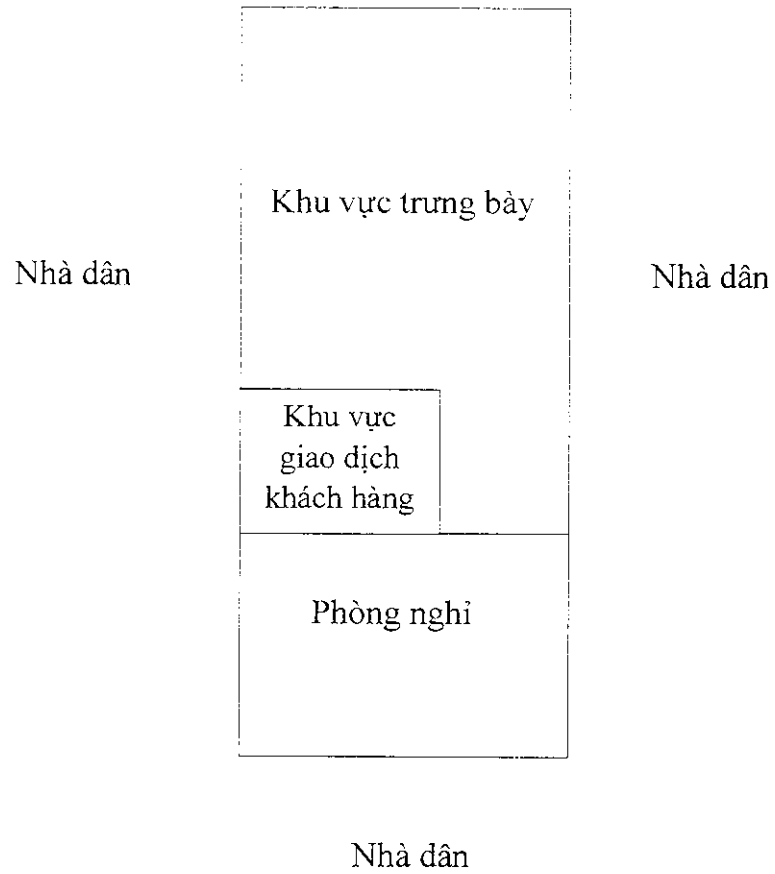
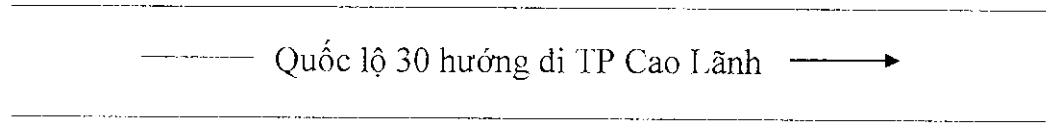
Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của “Cửa hàng vật liệu xây dựng Lê Mền”

PHỤ LỤC

*** Sơ đồ mặt bằng Bãi tập kết vật liệu xây dựng Lê Mến**



*** Sơ đồ mặt bằng Cửa hàng vật liệu xây dựng Lê Mến**



* Sơ đồ vị trí giám sát môi trường của Bãi tập kết vật liệu xây dựng Lê Mến



